

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CỬU LONG**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tài Cương	Chủ tịch
Ông Bùi Ngọc Hưng	Thành viên
Ông Hoàng Văn Toàn	Thành viên
Bà Phạm Thị Đào	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quyết Thắng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2011)
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2011)
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Kim Sơn	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Duyên Hiếu

Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Số: 1108 /2012/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 22. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Lê Chí Nguyễn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1178/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		151.827.274.132	149.301.965.968
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	55.518.261.203	83.502.080.220
1. Tiền	111		13.951.594.503	6.370.161.620
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.566.666.700	77.131.918.600
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	16.947.307.700	2.541.197.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		21.649.710.080	6.343.170.080
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.702.402.380)	(3.801.973.080)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.294.339.970	51.098.801.770
1. Phải thu khách hàng	131		65.190.268.680	44.224.819.237
2. Trả trước cho người bán	132		13.566.182.221	13.829.556.307
3. Các khoản phải thu khác	135	7	10.222.143.526	2.325.713.678
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(18.684.254.457)	(9.281.287.452)
IV. Hàng tồn kho	140	8	3.334.763.105	8.381.858.765
1. Hàng tồn kho	141		3.334.763.105	8.381.858.765
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.732.602.154	3.778.028.213
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.598.130.973	2.416.694.516
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		112.661.213	227.218.885
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		366.490.597	282.679.762
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.655.319.371	851.435.050
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		188.159.718.268	173.481.658.259
I. Tài sản cố định	220		178.065.878.926	163.140.058.738
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	171.985.026.234	160.790.279.264
- Nguyên giá	222		253.643.085.473	209.833.154.620
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.658.059.239)	(49.042.875.356)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	5.927.721.783	338.578.122
- Nguyên giá	228		6.108.205.185	443.967.020
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(180.483.402)	(105.388.898)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	153.130.909	2.011.201.352
II. Bất động sản đầu tư	240	12	8.511.460.000	8.511.460.000
- Nguyên giá	241		8.511.460.000	8.511.460.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.582.379.342	1.830.139.521
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.163.157.342	1.509.467.521
2. Tài sản dài hạn khác	268		419.222.000	320.672.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		339.986.992.400	322.783.624.227

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		107.671.697.964	92.737.727.076
I. Nợ ngắn hạn	310		102.894.668.599	65.634.522.922
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	8.539.632.969
2. Phải trả người bán	312		77.895.853.165	52.621.210.039
3. Người mua trả tiền trước	313	14	16.328.601.444	37.326.861
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	2.421.901.692	122.557.285
5. Phải trả người lao động	315		2.590.316.716	2.209.123.903
6. Chi phí phải trả	316		1.951.989.819	761.855.781
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.706.005.763	1.342.816.084
II. Nợ dài hạn	330		4.777.029.365	27.103.204.154
1. Phải trả dài hạn khác	333	16	4.541.035.181	2.939.012.414
2. Vay và nợ dài hạn	334		-	24.163.737.907
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		120.904.808	453.833
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		115.089.376	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		232.315.294.436	230.045.897.151
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	232.315.294.436	230.045.897.151
1. Vốn điều lệ	411		230.000.000.000	230.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.315.294.436	45.897.151
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		339.986.992.400	322.783.624.227



Nguyễn Duyên Hiều
Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Phan Thị Diệu Thúy
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		579.240.951.777	498.858.158.088
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	(1.432.163)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	579.240.951.777	498.856.725.925
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	(558.057.889.222)	(478.574.035.238)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.183.062.555	20.282.690.687
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	10.006.939.340	9.345.316.047
7. Chi phí tài chính	22	23	(3.980.712.290)	(4.653.582.882)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(3.075.729.529)	(3.735.413.382)
8. Chi phí bán hàng	24		(638.849.874)	(794.173.636)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(23.578.724.266)	(17.018.800.996)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		2.991.715.465	7.161.449.220
11. Thu nhập khác	31		207.316.670	1.666.939.980
12. Chi phí khác	32		(132.989.223)	(3.022.237.231)
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		74.327.447	(1.355.297.251)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.066.042.912	5.806.151.969
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	(796.645.627)	(793.792.009)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(228.421.764)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.269.397.285	4.783.938.196
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	99	208



Nguyễn Duyên Hiếu

Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Phan Thị Diệu Thúy

Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**Mẫu B 03-DN**

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2011		2010	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.066.042.912		5.806.151.969	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định	02	33.262.695.308		24.893.109.825	
Các khoản dự phòng	03	10.303.396.305		5.903.261.532	
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(10.006.939.340)		(8.933.519.619)	
Chi phí lãi vay	06	3.075.729.529		3.735.413.382	
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	39.700.924.714		31.404.417.089	
Tăng các khoản phải thu	09	(29.374.834.929)		(21.413.121.450)	
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	5.047.095.660		(6.493.818.788)	
Tăng các khoản phải trả	11	47.489.300.508		14.999.707.522	
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(277.605.197)		831.591.017	
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.075.729.529)		(3.437.512.110)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(880.456.462)		(1.076.471.771)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.192.240		97.857.575	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(98.550.000)		(13.153.240)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	58.533.337.005		14.899.495.844	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(48.514.184.486)		(13.904.159.052)	
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-		359.090.909	
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	25	(15.306.540.000)		(71.760.000)	
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	26	-		581.985.920	
5. Thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	10.006.939.340		7.849.540.424	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(53.813.785.146)		(5.185.301.799)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(32.703.370.876)		(2.778.069.627)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(32.703.370.876)		(2.778.069.627)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(27.983.819.017)		6.936.124.418	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	83.502.080.220		76.565.955.802	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	55.518.261.203		83.502.080.220	

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang không bao gồm 231.852.091 đồng (năm 2010: 1.332.356.190 đồng) là giá trị tài sản mua sắm và chi phí đầu tư xây dựng phát sinh trong năm chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Duyên Hiếu
Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Phan Thị Diệu Thúy
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long (“gọi tắt là Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006914 ngày 4 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 12 tháng 9 năm 2011 với mã chứng khoán là PCT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 379 người (năm 2010: 176 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán hàng hóa, kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi theo hợp đồng, theo tuyến cố định và cung cấp các dịch vụ khác.

Các chi nhánh của Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Đại Hùng: 18 Nguyễn Cửu Vân, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Côn Sơn: 18 Nguyễn Cửu Vân, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
- Trung tâm Bảo dưỡng và Kinh doanh Ô tô: 18 Nguyễn Cửu Vân, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Ninh Thuận: Xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.
- Chi nhánh Quảng Ngãi: Xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.
- Chi nhánh Vũng Tàu: 101 Lê Lợi, phường 6, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 27.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được phép trích cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8

Trong năm Công ty có mua sắm tài sản cố định là ô tô đã qua sử dụng, do đó Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng thời gian hữu dụng ước tính từ một năm đến bốn năm tương ứng với giá trị sử dụng còn lại cho những phương tiện vận tải trên. Tổng nguyên giá của những tài sản trên tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 là 32.929.612.258 đồng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn sử dụng của phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất không thực hiện khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất để bán do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm máy bộ đàm và đồng hồ tính cước gắn trên xe taxi, chi phí xây dựng nhà xưởng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Máy bộ đàm và đồng hồ tính cước gắn trên xe taxi được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian bốn năm.

Chi phí xây dựng nhà xưởng trên đất thuê được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian năm năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến bốn năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả

2027
HI NH
CÔNG
NHIỆM
LỢI
Ệ T
P. HÀ
/R H

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền mặt	92.802.919	2.955.616
Tiền gửi ngân hàng	13.858.791.584	6.367.206.004
Các khoản tương đương tiền	41.566.666.700	77.131.918.600
	<u>55.518.261.203</u>	<u>83.502.080.220</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng thương mại bằng đồng Việt Nam với thời hạn từ ba tháng trở xuống và hưởng lãi suất 14% /năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn	15.246.000.000	-
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	6.403.710.080	6.343.170.080
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(4.702.402.380)	(3.801.973.080)
	<u>16.947.307.700</u>	<u>2.541.197.000</u>

Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng thương mại bằng đồng Việt Nam với thời hạn trên ba tháng và hưởng lãi suất 13% /năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.311.066.426	1.101.542.649
Các đơn vị khác trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.964.102.458	11.437.500
Các đơn vị ngoài Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	205.153.590	157.084.111
Cán bộ, nhân viên Công ty	4.940.716.409	491.115.470
Tài xế lái xe taxi	801.104.643	564.533.948
	<u>10.222.143.526</u>	<u>2.325.713.678</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Nguyên vật liệu	663.404.121	398.906.430
Công cụ, dụng cụ	1.503.413.963	1.521.388.423
Hàng hóa	1.167.945.021	6.461.563.912
	<u>3.334.763.105</u>	<u>8.381.858.765</u>

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2011	1.054.016.682	1.704.865.430	205.866.694.828	1.207.577.680	-	209.833.154.620
Tăng trong năm	-	169.300.000	2.044.557.243	175.311.091	46.000.000	2.435.168.334
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	698.882.734	41.805.817.787	-	-	42.504.700.521
Giảm khác	(1.054.016.682)	-	-	(75.921.320)	-	(1.129.938.002)
Tại ngày 31/12/2011	<u>-</u>	<u>2.573.048.164</u>	<u>249.717.069.858</u>	<u>1.306.967.451</u>	<u>46.000.000</u>	<u>253.643.085.473</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2011	297.824.324	349.147.516	47.877.464.198	518.439.318	-	49.042.875.356
Khấu hao trong năm	198.671.277	290.904.761	32.336.466.075	357.725.358	3.833.333	33.187.600.804
Giảm khác	(496.495.601)	-	-	(75.921.320)	-	(572.416.921)
Tại ngày 31/12/2011	<u>-</u>	<u>640.052.277</u>	<u>80.213.930.273</u>	<u>800.243.356</u>	<u>3.833.333</u>	<u>81.658.059.239</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2011	<u>-</u>	<u>1.932.995.887</u>	<u>169.503.139.585</u>	<u>506.724.095</u>	<u>42.166.667</u>	<u>171.985.026.234</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>756.192.358</u>	<u>1.355.717.914</u>	<u>157.989.230.630</u>	<u>689.138.362</u>	<u>-</u>	<u>160.790.279.264</u>

Trong năm 2011, Công ty đã quyết định phân loại giá trị hình thành nhà xưởng trên đất thuê với giá trị còn lại là 557.521.081 đồng sang chi phí trả trước dài hạn. Công ty đánh giá việc phân loại này nhằm phù hợp với thời hạn của diện tích đất đang thuê (thuyết minh số 13).

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 422.913.968 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONGSố 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	-	443.967.020	443.967.020
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.664.238.165	-	5.664.238.165
Tại ngày 31/12/2011	<u>5.664.238.165</u>	<u>443.967.020</u>	<u>6.108.205.185</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	-	105.388.898	105.388.898
Khấu hao trong năm	-	75.094.504	75.094.504
Tại ngày 31/12/2011	-	<u>180.483.402</u>	<u>180.483.402</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	<u>5.664.238.165</u>	<u>263.483.618</u>	<u>5.927.721.783</u>
Tại ngày 31/12/2010	-	<u>338.578.122</u>	<u>338.578.122</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Số dư chi phí xây dựng cơ bản thể hiện giá trị các khoản chi phí phát sinh để đầu tư trạm dừng tại tỉnh Ninh Thuận.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, bất động sản đầu tư bao gồm chi phí đầu tư vào ba lô đất nền số 8 lô A, số 20 lô A và số 43 lô E thuộc dự án Khu dân cư Phước Long A, Bắc Rạch Chiếc, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh với giá trị là 8.511.460.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 8.511.460.000 đồng). Ban Giám đốc Công ty cho rằng giá trị hợp lý của các lô đất trên tương đương với giá trị ghi sổ, do đó, không cần thiết phải trích lập dự phòng.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Nhà xưởng tạm xây	557.521.081	-
Chi phí trang bị cho kinh doanh xe taxi	605.636.261	1.509.467.521
	<u>1.163.157.342</u>	<u>1.509.467.521</u>

Trong năm 2011, Công ty đã quyết định phân loại giá trị hình thành nhà xưởng trên đất thuê với giá trị còn lại là 557.521.081 đồng sang chi phí trả trước dài hạn. Việc phân loại này nhằm phù hợp với thời hạn của diện tích đất đang thuê (thuyết minh số 9).

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Số dư người mua trả tiền trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm phần lớn là số tiền nhận tạm ứng từ Công ty TNHH Super Gas.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng	2.192.467.361	71.639.620
Thuế thu nhập cá nhân	229.434.331	50.917.665
	<u>2.421.901.692</u>	<u>122.557.285</u>

16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác thể hiện các khoản tiền nhận ký quỹ dài hạn từ tài xế xe taxi. Khoản ký quỹ này được hoàn trả khi Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với tài xế xe taxi.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ đông	Lợi nhuận chưa phân	Tổng
	<u>VNĐ</u>	phối	<u>VNĐ</u>
		<u>VNĐ</u>	
Số dư tại 1/1/2010	230.000.000.000	(4.738.041.045)	225.261.958.955
Lợi nhuận trong năm	-	4.783.938.196	4.783.938.196
Số dư tại ngày 31/12/2010	<u>230.000.000.000</u>	<u>45.897.151</u>	<u>230.045.897.151</u>
Lợi nhuận trong năm	-	2.269.397.285	2.269.397.285
Số dư tại ngày 31/12/2011	<u>230.000.000.000</u>	<u>2.315.294.436</u>	<u>232.315.294.436</u>

Vốn điều lệ của Công ty

Công ty đã thay đổi vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006914 sửa đổi ngày 15 tháng 6 năm 2011. Theo đó, vốn điều lệ đã giảm từ 300 tỷ đồng xuống 230 tỷ đồng. Việc thay đổi vốn điều lệ đã được Đại hội cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 53/ĐHCD-PCT ngày 21 tháng 4 năm 2011.

Giá trị và số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phần được phép phát hành	23.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phần chưa phát hành và chưa được góp vốn	-	7.000.000
Mệnh giá cổ phần (đồng)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Dưới đây là thông tin về lượng cổ phần nắm giữ và số vốn thực tế góp của các cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	31/12/2011		31/12/2010	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần	45.000.000.000	19,6%	45.000.000.000	19,6%
Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	30.000.000.000	13%	30.000.000.000	13%
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	15.000.000.000	7%	15.000.000.000	7%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	52.037.720.000	23%	52.037.720.000	23%
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Sông Đà	1.032.200.000	0,4%	1.032.200.000	0,4%
Các cổ đông khác	86.930.080.000	37%	86.930.080.000	37%
	230.000.000.000	100%	230.000.000.000	100%

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh hàng hóa, Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải và Bộ phận kinh doanh dịch vụ bảo dưỡng. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh hàng hóa - kinh doanh các mặt hàng LPG và xăng dầu

Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải – kinh doanh vận tải bằng xe taxi, cho thuê xe

Bộ phận kinh doanh dịch vụ bảo dưỡng – bảo dưỡng, sửa chữa cho các phương tiện vận tải.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

31/12/2011	Hàng hóa VND	Dịch vụ vận tải VND	Bảo dưỡng VND	Loại trừ VND	Tổng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	54.466.810.428	283.032.499.697	11.437.500	(98.290.581.886)	239.220.165.739
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	100.766.826.661
Tổng tài sản hợp nhất					339.986.992.400
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	86.585.923.437	109.420.334.266	-	(98.290.581.886)	97.715.675.817
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	9.956.022.147
Tổng nợ phải trả hợp nhất					107.671.697.964

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2011	Hàng hóa VND	Dịch vụ vận tải VND	Bảo dưỡng VND	Loại trừ VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	427.110.062.256	151.530.756.867	600.132.654	-	579.240.951.777
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	48.769.448.204	-	-	(48.769.448.204)	-
Tổng doanh thu	475.879.510.460	151.530.756.867	600.132.654	(48.769.448.204)	579.240.951.777
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	12.613.897.818	8.044.936.853	524.227.884	-	21.183.062.555
Chi phí không phân bổ					(24.217.574.140)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh					(3.034.511.585)
Doanh thu hoạt động tài chính					10.006.939.340
Lợi nhuận khác					74.327.447
Chi phí tài chính					(3.980.712.290)
Lợi nhuận trước thuế					3.066.042.912
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(796.645.627)
Lợi nhuận trong năm					2.269.397.285
Thông tin khác					
Khấu hao					33.262.695.308

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán

31/12/2010	Hàng hóa VNĐ	Dịch vụ vận tải VNĐ	Bảo dưỡng VNĐ	Loại trừ VNĐ	Tổng VNĐ
Tài sản					
Tài sản bộ phận	50.457.794.151	177.955.120.123	-	(9.203.198.033)	219.209.716.241
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	103.573.907.986
Tổng tài sản hợp nhất					<u>322.783.624.227</u>
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	50.215.579.423	15.315.723.248	-	(9.203.198.033)	56.328.104.638
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	36.409.622.438
Tổng nợ phải trả hợp nhất					<u>92.737.727.076</u>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2010	Hàng hóa VNĐ	Dịch vụ vận tải VNĐ	Bảo dưỡng VNĐ	Loại trừ VNĐ	Tổng VNĐ
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	389.682.835.227	102.747.802.537	6.426.088.161	-	498.856.725.925
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	113.597.345.390	-	-	(113.597.345.390)	-
Tổng doanh thu	<u>503.280.180.617</u>	<u>102.747.802.537</u>	<u>6.426.088.161</u>	<u>(113.597.345.390)</u>	<u>498.856.725.925</u>
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	10.206.230.370	3.837.034.348	6.239.425.969	-	20.282.690.687
Chi phí không phân bổ					(17.812.974.632)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					2.469.716.055
Doanh thu hoạt động tài chính					9.345.316.047
Lãi (lỗ) khác					(1.355.297.251)
Chi phí tài chính					(4.653.582.882)
Lợi nhuận trước thuế					5.806.151.969
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(793.792.009)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(228.421.764)
Lợi nhuận trong năm					<u>4.783.938.196</u>
Thông tin khác					
Khấu hao					<u>24.893.109.825</u>

19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Doanh thu từ kinh doanh hàng hóa	427.110.062.256	389.682.835.227
Doanh thu từ kinh doanh dịch vụ vận tải	151.530.756.867	102.747.802.537
Doanh thu từ hoạt động bảo dưỡng	600.132.654	6.426.088.161
	<u>579.240.951.777</u>	<u>498.856.725.925</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	414.496.164.438	379.476.604.857
Giá vốn dịch vụ vận tải	143.485.820.014	98.910.768.189
Giá vốn hoạt động bảo dưỡng	75.904.770	186.662.192
	<u>558.057.889.222</u>	<u>478.574.035.238</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONGSố 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	465.276.236.872	416.384.160.477
Chi phí nhân công	55.827.238.413	39.620.303.842
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.262.695.308	24.893.109.825
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.863.435.352	7.718.705.418
Chi phí khác	14.045.857.417	7.770.730.308
	<u>582.275.463.362</u>	<u>496.387.009.870</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lãi tiền gửi	9.877.991.840	9.226.017.015
Cổ tức, lợi nhuận được chia	128.947.500	83.100.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	20.632
Doanh thu tài chính khác	-	36.178.400
	<u>10.006.939.340</u>	<u>9.345.315.047</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	900.429.300	636.282.080
Chi phí lãi vay	3.075.729.529	3.735.413.382
Lỗ từ hoạt động đầu tư	-	280.985.920
Chi phí tài chính khác	4.553.461	901.500
	<u>3.980.712.290</u>	<u>4.653.582.882</u>

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	3.066.042.912	5.806.151.969
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(128.947.500)	(1.765.946.793)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	249.487.097	48.649.917
Thu nhập tính thuế	<u>3.186.582.509</u>	<u>4.088.855.093</u>
Chuyển lỗ tính thuế của các năm trước	-	(913.687.057)
Thu nhập tính thuế cho năm nay	<u>3.186.582.509</u>	<u>3.175.168.036</u>
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>796.645.627</u>	<u>793.792.009</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	2.269.397.285	4.783.938.196
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.269.397.285	4.783.938.196
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.000.000	23.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>99</u>	<u>208</u>

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>674.890.000</u>	<u>1.243.190.000</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Trong vòng một năm	1.201.411.333	1.293.557.333
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	611.660.000	1.689.227.200
	<u>1.813.071.333</u>	<u>2.982.784.533</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 18 Nguyễn Cửu Vân, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 3.000 đô la Mỹ/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm kể từ năm 2007.

Tổng số tiền thuê hai lô đất tại Phan Văn Hớn, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê tương ứng 9.506.000 đồng/tháng và 12.500.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm kể từ năm 2007.

Tổng số tiền thuê đất tại quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 8.500.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm kể từ năm 2009.

Tổng số tiền thuê đất tại Vũng Tàu với giá thuê 19.800.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm kể từ năm 2010.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.518.261.203	83.502.080.220
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	16.947.307.700	2.541.197.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	70.294.339.970	51.098.801.770
Cầm cổ, ký quỹ, ký cược	597.483.000	502.125.240
Công nợ tài chính		
Vay dài hạn đến hạn trả	-	8.539.632.969
Phải trả người bán và phải trả khác	79.601.858.928	53.964.026.123
Chi phí phải trả	1.951.989.819	761.855.781
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.541.035.181	2.939.012.414
Vay và nợ dài hạn	-	24.163.737.907

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONGSố 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	79.601.858.928	-	79.601.858.928
Chi phí phải trả	1.951.989.819	-	1.951.989.819
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	4.541.035.181	4.541.035.181
31/12/2010			
Phải trả người bán và phải trả khác	53.964.026.123	-	53.964.026.123
Chi phí phải trả	761.855.781	-	761.855.781
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	2.939.012.414	2.939.012.414
Các khoản vay	8.539.632.969	24.163.737.907	32.703.370.876

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.518.261.203	-	55.518.261.203
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	16.947.307.700	-	16.947.307.700
Phải thu khách hàng và phải thu khác	70.294.339.970	-	70.294.339.970
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	178.261.000	419.222.000	597.483.000
31/12/2010			
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.502.080.220	-	83.502.080.220
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.541.197.000	-	2.541.197.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	51.098.801.770	-	51.098.801.770
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	181.453.240	320.672.000	502.125.240

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Mua hàng và dịch vụ		
CN TCT Khí VN - Công ty CP Kinh doanh Sản phẩm khí	324.883.486.728	273.889.288.771
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Sài Gòn	3.646.446.128	4.076.683.700
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	129.611.200.072	-
Công ty Cổ phần TMDV Dầu khí Vũng Tàu	2.053.193.404	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	173.231.350	-
CN Công ty CP KD Khí hóa lỏng Miền Nam - Nha Trang	912.187.802	-
Công ty TNHH MTV KD Khí hóa lỏng Miền Đông	2.483.699.621	-
Cung cấp hàng và dịch vụ		
Tổng Công ty Phân bón & Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.851.185.302	3.042.334.679
Công ty TNHH Phân bón & Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	1.052.522.820	1.214.611.586
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	2.141.519.257	612.083.429
CN Phía Nam - Công ty TNHH MTV QL & Khai thác Tài sản Dầu khí	1.170.326.255	1.401.619.271

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty Nhập khẩu và Phân phối than Dầu khí	-	1.259.154.174
CN Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	1.309.173.218	1.558.587.124
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Sài Gòn	631.987.986	762.086.779
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí	1.184.040.000	6.752.228.600
CN TCT Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV kinh doanh sản phẩm khí	4.019.604.911	120.199.182
Công ty Cổ phần phân phối Khí thấp áp	2.717.910.517	814.301.975
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	311.692.780	-
CN TCT CP Vận tải Dầu khí - CT Dịch vụ Hàng hải Dầu Khí	461.140.635	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Quảng Ngãi	50.800.000	-
Chi nhánh TCT Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần Chế biến khí Vũng Tàu	9.214.313.770	-
CN Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam tại Nha Trang	2.573.386.448	-
Chi nhánh TCT Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần Dịch vụ khí	5.558.822.321	-
Chi nhánh TCT Khí Việt Nam - Công ty CP vận chuyển khí Đông Nam Bộ	7.420.640.130	-
Ban Quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ	2.548.626.024	-
Chi nhánh TCT Khí Việt Nam - Công ty Khí Cà Mau	2.354.449.301	-
Chi nhánh TCT Khí Việt Nam - Công ty CP Tư vấn Quản lý Dự án khí	985.257.484	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	646.575.319	-
CN Công ty TNHH NN MTV Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu Khí	1.167.238.522	-
Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	13.867.838.434	-
CN Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Nhập khẩu và Phân phối than Dầu khí	1.340.083.299	-
CN Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị tại Vũng Tàu	408.375.513	-
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	805.961.528	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	431.207.461	-
Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Vũng Tàu	378.848.844	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	504.927.471	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	7.007.301.974	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lương và các khoản khác	942.204.842	957.607.027

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Phân bón & Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần	244.558.416	280.435.000
Công ty TNHH Phân bón & Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	-	92.401.676
CN Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	772.953.598	589.937.199
Tổng Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Khí	347.545.000	6.378.823.000
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Sài Gòn (PVI Sài Gòn)	77.925.540	68.084.710
CN TCT khí Việt Nam- Công ty TNHH MTV Kinh doanh sản phẩm khí	-	142.663.906
CN Phía Nam - Công ty TNHH MTV Quản lý và khai thác Tài sản Dầu khí	4.324.330	125.487.975
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam	-	58.581.030
Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp	395.107.466	1.994.850
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	112.716.000	97.309.550
CN TCT CP Vận tải Dầu khí - CT Dịch vụ Hàng hải Dầu Khí	66.272.596	52.375.521
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Quảng Ngãi	44.700.000	16.000.000
Chi nhánh TCT Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần Chế biến khí Vũng Tàu	2.106.895.822	-
CN Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam tại Nha Trang	1.929.252.150	9.416.231
Chi nhánh TCT Khí Việt Nam - Công ty CP Kinh doanh Sản phẩm khí	1.062.019.767	142.663.906
Chi nhánh TCT Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần Dịch vụ khí	1.039.305.974	-
Chi nhánh TCT Khí Việt Nam - Công ty CP vận chuyển khí Đông Nam Bộ	900.762.520	5.493.120
Ban Quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ	377.720.942	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	371.802.494	58.581.030
Chi nhánh TCT Khí Việt Nam - Công ty Khí Cà Mau	253.314.921	-
Chi nhánh TCT Khí Việt Nam - Công ty CP Tư vấn Quản lý Dự án khí	246.629.447	2.424.825
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	223.726.007	-
CN Công ty TNHH NN MTV Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu Khí	217.881.630	55.770.000
Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	185.931.614	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONGSố 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	173.890.000	-
CN Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Nhập khẩu và Phân phối than Dầu khí	107.402.752	-
CN Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị tại Vũng Tàu	84.059.031	-
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	75.428.166	64.824.150
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	33.513.712	176.463.410
Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Vũng Tàu	24.191.400	31.602.950
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	<u>23.400.780</u>	<u>10.272.978</u>

Các khoản phải thu khác

Chi nhánh TCT Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần Chế biến khí Vũng Tàu	154.478.523	-
Chi nhánh TCT Khí VN - Công ty Cổ phần Kinh doanh Sản phẩm khí	12.552.000	-
Chi nhánh TCT Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần Dịch vụ khí	53.475.000	-
Chi nhánh TCT Khí Việt Nam - Công ty CP vận chuyển khí Đông Nam Bộ	160.809.137	-
Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp	541.740.108	-
Ban Quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ	7.092.000	-
Chi nhánh TCT Khí Việt Nam - Công ty Khí Cà Mau	322.091.975	-
Chi nhánh TCT Khí Việt Nam - Công ty CP Tư vấn Quản lý Dự án khí	32.512.581	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	<u>665.390.559</u>	<u>-</u>

Các khoản ứng trước cho nhà cung cấp

Công ty Cổ phần Truyền thông Dầu khí Việt Nam	-	<u>34.457.500</u>
---	---	-------------------

Các khoản phải trả

Chi nhánh TCT Khí VN - Công ty Cổ phần Kinh doanh Sản phẩm khí	52.288.421.488	32.320.583.744
Công ty Cổ phần Hóa dầu dầu khí Vidamo	45.114.505	138.831.989
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Sài Gòn	101.488.963	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	29.944.000	5.372.000
CN Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam tại Nha Trang	472.101.225	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	21.208.582.565	-
Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	42.701.454	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	<u>8.506.066</u>	<u>-</u>

Vay dài hạn

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	<u>23.878.403.907</u>
---	---	-----------------------



Nguyễn Duyên Hiếu
Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Phan Thị Diệu Thúy
Kế toán trưởng